

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2017

V/v: Thay đổi nuôi con,
giữa chị A và anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Lanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Huyền Thu – Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 265/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2017 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2017/QĐXX-ST ngày 17/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1991 - Hộ khẩu thường trú: Tập thể xí nghiệp X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội; nay là: Tổ I, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1987 - Hộ khẩu thường trú: Phường M, quận N, thành phố Hà Nội; nay là: Tổ O, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn đề ngày 23/3/2017, và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị A trình bày:*

Chị A và anh B có 01 (một) con chung là cháu C, sinh ngày 31/3/2012, giới tính: Nữ.

Tại Quyết định số 573/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B, đã công nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung là cháu C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A kể từ tháng 11/2016 đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh B trực tiếp nuôi con, cháu C không được chăm sóc chu đáo, từ việc ăn uống đến vệ sinh thân thể, và không được đi học. Thể hiện ở việc cháu có dấu hiệu thường xuyên bị đói, không được tắm rửa sạch sẽ, mỗi lần chị A đón con thì cháu đều trong tình trạng thèm ăn, đầu tóc bẩn, người bẩn. Anh B không có công việc, thường xuyên ở nhà, không có tiền để đóng học phí cho con, nên cháu C ở nhà với bố. Chỉ có hai bố con ở cùng nhau, nên không có ai hỗ trợ anh B trong việc chăm sóc con. Mỗi khi anh B đi đâu ra ngoài đều phải mang con theo. Mặt khác, trong thời gian cháu C ở cùng với bố, trên người có một số vết thương, có thể là do bị bố đánh. Ngoài ra, mỗi lần chị A đến thăm nuôi, đón con, thì anh B thường tỏ thái độ không thoải mái, gây cản trở, hai bên to tiếng qua lại thì chị mới đón được con.

Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con sau ly hôn, đề nghị giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con tùy theo khả năng và sự tự nguyện của anh B, chị A không yêu cầu một mức cụ thể nào. Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Ngày 22/4/2017, khi thăm nuôi và đón con, vì quá thương con nên chị A đã giữ cháu C lại để chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Anh B nhiều lần tìm chị, nhưng chị tránh mặt, vì bản thân cháu C mỗi khi nghe thấy tiếng bố cháu hoặc ai đó nhắc đến anh B thì có biểu hiện sợ hãi và xin được ở với mẹ.

Theo chị A, cháu C còn nhỏ, lại là bé gái nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Bản thân chị là người thương yêu con và có điều kiện để nuôi con tốt hơn anh B. Sau khi ly hôn, chị về sống cùng với bố mẹ đẻ tại Tổ I, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội; bố mẹ chị tạo điều kiện cho chị ở lâu dài tại đây. Chị có công việc và thu nhập ổn định, chị làm nấu bếp trong nhà hàng, lương tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Mẹ chị ở nhà bán hàng nên có điều kiện để hỗ trợ cùng chị chăm sóc cháu C. Trong khi anh B không có công việc ổn định, lại có biểu hiện dùng ma túy đá. Thời điểm vợ chồng ly hôn, chị để cho anh B trực tiếp nuôi con vì anh B yêu cầu vậy, nếu không sẽ gây căng thẳng, do nhất thời suy nghĩ không thấu đáo nên chị đã đồng ý.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị A giao nộp tại Tòa

các tài liệu, chứng cứ như sau: Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 573/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2016; Giấy khai sinh (bản sao) của cháu C; Đơn xác nhận ngày 13/4/2017 của chị A, có xác nhận của Ban Giám hiệu Trường Mầm non AS; Đơn xác nhận ngày 19/4/2017 của chị A có xác nhận của Tổ dân phố; Bức ảnh về vết thương trên người cháu C; Đơn đề nghị ngày 22/5/2017 của bà K (mẹ đẻ chị A); Giấy xác nhận ngày 26/5/2017 của chị A về công việc và mức thu nhập hiện tại.

Chị A còn trình bày, trước khi kết hôn với chị, anh B đã có vợ là chị D, và có một con trai là cháu E (sinh năm 2008). Anh B và chị D ly hôn, cháu E do mẹ cháu nuôi, còn anh B đóng góp nuôi con. Tuy nhiên, do anh B không có trách nhiệm với con, nên chị D đã mang trả con cho anh B, và cháu đang được bà nội (là mẹ của anh B) nuôi dưỡng. Bố mẹ anh B đã ly hôn nhiều năm, mỗi người đều đã tái giá, ở những nơi khác nhau. Tuy thông tin thực tế là vậy, nhưng chị A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Chị A cũng không biết địa chỉ của mẹ anh B, chị D ở đâu để cung cấp tại Tòa được. Chị A cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc anh B có sử dụng ma túy.

2. Bị đơn là anh B trình bày:

Anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo, Thông báo yêu cầu đến Tòa làm việc, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, tuy nhiên anh B đều vắng mặt tại Tòa và không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho đến ngày mở phiên họp về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là ngày 16/6/2017.

Tại Bản khai và lời trình bày của anh B tại phiên họp ngày 16/6/2017, anh B không đồng ý với yêu cầu xin thay đổi nuôi con của chị Thúy. Bản thân anh B bị căng thẳng do từ ngày 22/4/2017 chị A đón cháu C nhưng giữ con lại, và không cho anh gặp con. Anh không đồng ý với những lời trình bày của chị A tại Tòa. Anh có đầy đủ điều kiện nuôi con. Về chỗ ở, nhà ở hiện tại ở địa chỉ Tổ O, phường M, quận N, thành phố Hà Nội là nhà của bố anh, bố anh không ở nên cho anh ở. Thời gian ở với anh, cháu C đi học tại Trường mầm non AS gần nhà, tiền học là anh đóng. Không có việc anh đánh con như chị A trình bày. Về vết bồng trên mặt cháu là do anh cho cháu ra quán internet, cháu vô tình chạy vào điều thuốc lá anh đang hút cầm ở tay. Hiện tại anh đang làm ở bãi xe, và mua bán xe với thu nhập mỗi tháng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Anh B cam kết giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình chậm nhất vào ngày 23/6/2017.

Ngày 23/6/2017, anh B nộp Đơn trình bày có nội dung về nguyên nhân dẫn đến cháu C có vết bồng trên mặt là do không may bị chạm vào điều thuốc lá anh đang hút, có ý kiến xác nhận của người trông quán internet. Và anh B trình bày nhà ở tại địa chỉ Tổ O, phường M, quận N, anh đã cho thuê để nuôi con ăn học. Bố anh sẽ tạo điều kiện về chỗ ở mới cho anh. Về công việc, anh đang làm nghề tự do, không làm cho tổ chức, cá nhân nào, nên không có tài liệu, chứng cứ về thu nhập hàng tháng của anh để nộp cho Tòa. Anh có mời luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích cho anh. Anh B cam kết giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc cho

thuê nhà, về địa chỉ nơi ở mới, về việc mời luật sư chậm nhất vào ngày 30/6/2017. Anh B đề nghị, nếu hết thời hạn trên mà anh không nộp tài liệu, chứng cứ như cam kết, thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh B đã không giao nộp tài liệu, chứng cứ trong thời hạn như cam kết. Tòa án tiếp tục báo anh B đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh B tiếp tục vắng mặt tại Tòa.

3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

Tại Biên bản làm việc ngày 26/4/2017, Công an phường M cung cấp thông tin: Anh B có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Tổ O, phường M, quận N. Anh B và con gái là cháu C sống tại địa chỉ này. Ngoài ra, không có ai khác cùng ở. Anh B biểu hiện không có việc làm ổn định. Về nhân thân, anh B đã từng bị kết án về tội cố ý gây thương tích. Về việc anh B có nghiện ma túy đá hay không, Công an phường không có căn cứ xác định nên không cung cấp thông tin cho Tòa án được.

Tại Biên bản làm việc ngày 03/5/2017, đại diện Tổ Dân phố O, phường M, nơi anh B sinh sống cung cấp thông tin như sau: Anh B và cháu C sống cùng nhau, ngoài ra không có ai khác. Cháu C ở với bố thì thoảng hàng xóm có nghe tiếng cháu khóc, còn việc anh B có đánh con không thì Tổ Dân phố không nắm được. Qua biểu hiện bên ngoài, thì anh B không thường xuyên đi làm, hàng ngày cháu C ở nhà với bố. Anh B đi đâu thì cho con đi cùng, rồi lại cùng về. Chị A thường đến đón con vào cuối tuần, mỗi lần chị A đến thường xảy ra to tiếng, cãi vã.

Tại Biên bản làm việc ngày 10/5/2017, Ủy ban nhân dân phường M có ý kiến như sau: Anh B và cháu C ở tại địa chỉ Phường M, quận N, thành phố Hà Nội; nay là: Tổ O, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Theo thông tin địa phương nắm được, thì anh B có biểu hiện không có việc làm ổn định, thường xuyên ở nhà. Cháu C ở nhà với bố, không đến trường. Quan điểm của địa phương, cháu C là bé gái, tuổi còn rất nhỏ, cần phải có sự chăm sóc chu đáo của gia đình, người thân, đặc biệt là của người mẹ. Chị A khởi kiện xin thay đổi nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu bé.

Tại Biên bản làm việc ngày 26/7/2017, Công an phường M cung cấp thông tin về việc cư trú của anh B như sau: Từ đầu tháng 6/2017 đến nay, anh B không còn sinh sống tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ O, phường M, quận N nữa. Địa phương không nắm được địa chỉ nơi ở hiện tại của anh B.

4. Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C; việc cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh B, chị không có yêu cầu cụ thể; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Anh B giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa, không đồng ý với ý kiến trình bày của chị A và những tài liệu, chứng cứ chị A giao nộp tại Tòa, không đồng ý với yêu cầu xin thay đổi nuôi con của chị A. Theo anh B thì anh có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Thời gian anh nuôi con, cháu được chăm sóc tốt, được đi học. Từ tháng 6/2017, anh cho thuê nhà tại Tổ O, phường M, quận N để có thêm thu nhập. Hiện tại anh đang thuê 2 nhà khác nhau để ở và kinh doanh, anh sẽ thuê người giúp việc để chăm sóc cháu C. Anh B xác nhận thông tin chị A trình bày tại Tòa là trước khi anh kết hôn với chị A, thì anh đã có một đời vợ là chị D và có một con trai là cháu E (sinh năm 2008). Cháu E đang được mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không giao nộp tài liệu chứng cứ về lời trình bày của anh tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin thay đổi nuôi con của chị A, giao cháu C cho chị Thúy trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của cháu bé.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là chị A khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với bị đơn là anh B, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh B cư trú tại địa chỉ Tổ O, phường M, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Tại Quyết định số 573/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2016 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B; công nhận sự thỏa thuận của đương sự xác nhận chị A, anh B có một con chung là cháu C (sinh ngày 31/3/2012, giới tính: Nữ), giao cháu C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A kể từ tháng 11/2016 đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

[3] Xét thực tế việc nuôi dưỡng cháu C của anh B sau khi ly hôn:

Theo lời trình bày của các bên đương sự, phù hợp với thông tin chính quyền địa phương cung cấp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, thì sau khi bố mẹ ly hôn, cháu C sống cùng với anh B tại địa chỉ Tổ O, phường M, quận N. Đây là nhà đất của bố để anh B, cho anh B ở. Chỉ có anh B và cháu C ở đây, ngoài ra không có ai khác. Như vậy, việc chăm sóc cháu C, chủ yếu là do anh B thực hiện, không có sự hỗ trợ thường xuyên, liên tục của gia đình, người thân.

Chị A trình bày, cháu C ở với bố có biểu hiện là không được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Mỗi lần chị đón con, cháu đều trong tình trạng thêm ăn, đầu tóc bẩn, người bẩn. Và trên người đôi khi còn có những vết thương. Chị A cho rằng cháu C bị bố đánh. Chị A giao nộp tại Tòa ảnh chụp những vết thương trên người cháu C. Anh B không đồng ý với chị A và phủ nhận việc đánh cháu C, vết bầm trên mặt cháu là do vô ý chạm vào điều thuốc anh đang hút cầm ở tay tại quán internet. Tuy rằng, giữa các bên không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến những vết thương trên người cháu bé, và cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ liên quan để chứng minh, nhưng thực tế để cháu C bị như vậy là thể hiện sự quan tâm, chăm sóc không chu đáo của người trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Chị A trình bày là cháu C không được đến trường học mà ở nhà với bố. Anh B trình bày cháu đi học tại Trường mầm non AS gần nhà. Tuy nhiên, anh B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Lời trình bày của anh B mâu thuẫn với thông tin trong Đơn xác nhận đề ngày 13/4/2017 của chị A, Trường mầm non AS cung cấp thông tin là cháu C theo học tại Trường năm học 2015 – 2016, nhưng từ thời điểm tháng 9/2016 cháu không học tại Trường nữa. Địa phương nơi anh B sinh sống, cung cấp thông tin là cháu C hàng ngày ở nhà với bố, không đến trường học, anh B có biểu hiện không có việc làm, thường xuyên ở nhà. Tại phiên tòa, anh B xác nhận từ khi anh chị ly hôn, việc cho cháu C đi học bị gián đoạn vì chị A bỏ bố con anh, cháu C tâm lý chưa ổn định, hay khóc đòi mẹ.

Như vậy, có căn cứ xác định, cháu C trong thời gian do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo để phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

Ngoài ra, chị A còn khai là anh B gây khó khăn cho chị trong việc thăm nom, chăm sóc con. Ý kiến của Tổ Dân phố xác nhận có việc to tiếng giữa hai bên mỗi khi chị A đón con. Tuy nhiên, bản thân chị A cũng tự ý đón con về chăm sóc, nuôi dưỡng từ ngày 22/4/2017 và không cho anh B gặp con. Mặc dù các bên đều đưa ra lý do cho hành động của mình, nhưng chị A, anh B đều chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của cha mẹ quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con hiện tại của mỗi bên:

Chị A có nơi ở ổn định là nhà của bố mẹ đẻ tại địa chỉ Tổ I, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội. Mẹ đẻ chị A có Đơn đề nghị đề ngày 22/5/2017 nội dung trình bày tạo điều kiện về nơi ở cho mẹ con chị A, và hỗ trợ chị A trong

việc chăm sóc con. Chị A làm đầu bếp tại Nhà hàng L, hợp đồng không xác định thời hạn, công việc ổn định, lương 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/tháng.

Anh B có nơi ở hiện tại không xác định. Anh B trình bày, nhà tại Tổ O, phường M, quận N là nơi ở của anh và cháu C trước đây, được sự đồng ý của bố anh, từ tháng 6/2017 anh đã cho thuê để tăng thu nhập. Và bố anh sẽ tạo điều kiện về chỗ ở mới cho anh. Anh B cam kết cung cấp địa chỉ cho Tòa hạn cuối cùng là ngày 30/6/2017, nhưng anh B không cung cấp. Tại phiên tòa, anh B trình bày anh đi thuê hai nhà khác để ở và kinh doanh, sẽ thuê người giúp việc để chăm sóc cháu C. Nhưng anh B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về địa chỉ cư trú hiện tại của anh. Lời trình bày của anh B về việc thay đổi địa chỉ cư trú phù hợp với thông tin do Công an phường M cung cấp là anh B không còn ở tại địa chỉ phường M từ đầu tháng 6, địa phương không biết địa chỉ cư trú mới của anh B.

Về công việc và thu nhập thường xuyên, anh B khai làm bãi xe và mua bán xe, tuy nhiên làm tự do, không cho một tổ chức, cá nhân nào. Anh B không giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Chính quyền địa phương nơi anh B sinh sống cung cấp thông tin anh B thường xuyên ở nhà, có biểu hiện không có việc làm ổn định.

Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định được nơi ở, công việc và thu nhập của anh B. Mặt khác, ngoài cháu C là con, anh B còn có con riêng là cháu E, nên trách nhiệm với con cái của anh B là nặng nề hơn chị A.

[5] Như vậy, xét điều kiện nuôi dưỡng con, và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con trên thực tế của mỗi bên, thì chị A có nơi ở, thu nhập ổn định hơn. Mặt khác, cháu C là bé gái, tuổi còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Bản thân chị A tha thiết xin được nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu C, việc giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A không phải chịu án phí. Anh B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh B.

2. Giao con chung của chị A, anh B là cháu C, sinh ngày 31/3/2012, cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con.

Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh B phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị A số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0002525 ngày 04/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị A, anh B có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Lanh